TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM ĐỘNG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:119/2019/QĐST-HNGĐ.	Kim Động, ngày 31 tháng 12 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 141/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm 1978.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N - Sinh năm 1975.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Nguyễn Đức A - Sinh ngày 21/02/2007.

Đều HKTT: Thôn T - xã T - huyện K - tỉnh Hưng Yên .

4. Những người đại diện theo pháp luật cho cháu Nguyễn Đức A: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn N.

- Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23/12/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn N.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn N đều nhất trí thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị N và anh N đều xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 21/12/1996 (hiện nay cháu đã thành niên) và cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 21/02/2007. Chị N và anh N thỏa thuận cháu T đã thành niên và tự lập được, anh chị tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu Đức A giao cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi thành niên, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N. Chị N được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, anh N không được ngăn cản.

3. Về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Chị N và anh N tự thỏa thuận giải quyết với nhau, anh chị tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Anh N nhất trí để chị N tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số: 0001691 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Trả lại chị Nguyễn Thị N 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Lũng

- **Nơi nhận:**
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKS + THA huyện;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.